

Số: 1974/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 21 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
phê duyệt Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia tỉnh Bến Tre

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia tỉnh Bến Tre và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1917 /TTr-SNV ngày 05 tháng 9 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia tỉnh Bến, gồm 08 Chương và 26 Điều đã được Đại hội thành lập, nhiệm kỳ 2018-2023 thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2018 (kèm theo Quyết định này).


Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia tỉnh Bến Tre và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: (kèm theo Điều lệ)

- Như điều 2 (th/hiện);
- TT.TU, TTHĐND tỉnh (thay b/cáo);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban TCTU, UBMTTQ tỉnh (để biết);
- Sở Nội vụ;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Phòng KGVX, TH, NgV, TTTTĐT;
- Lưu: VT.

**KHOA CHỦ TỊCH
HỘI HỮU NGHỊ VIỆT NAM –
CAMPUCHIA TỈNH BẾN TRE**



Nguyễn Hữu Phước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia tỉnh Bến Tre
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1914/QĐ- UBND ngày 21/9/2018
của UBND tỉnh Bến Tre)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi của Hội:

1. Tên tiếng Việt: Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh Bến Tre.
2. Tên tiếng nước ngoài: Vietnam - Cambodia Friendship Association of Ben Tre province.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh Bến Tre là tổ chức xã hội, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần tăng cường và mở rộng hợp tác hữu nghị, sự hiểu biết giữa nhân dân hai nước, phát huy truyền thống đoàn kết hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân Bến Tre nói riêng với nhân dân Campuchia vì lợi ích của hai dân tộc, hai nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại số: 11A, Ngô Quyền, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh Bến Tre hoạt động trên phạm vi địa bàn tỉnh Bến Tre, trong lĩnh vực quan hệ hợp tác hữu nghị, giao lưu văn hoá giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Campuchia và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội lẫn nhau.

2. Hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Hội chịu sự hướng dẫn về chủ trương, phương hướng hoạt động của Trung ương Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Bến Tre.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự chủ về kinh phí.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh Bến Tre đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh về tôn chỉ, mục đích của Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh Bến Tre; tổ chức các hoạt động vì hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với nhân dân Campuchia trên phạm vi tỉnh Bến Tre.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên (nếu có) và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.
3. Phổ biến kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.
4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các tổ chức khác có liên quan về công tác đối ngoại nhân dân theo quy định của pháp luật.
6. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.
7. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.
8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.
9. Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa nhân dân Bến Tre và nhân dân Campuchia (chọn một tỉnh) làm tỉnh kết nghĩa .
10. Trước khi tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Ban thường trực Hội phải có văn bản báo cáo chủ tịch UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) trước 30 ngày theo quy định.
11. Khi thay đổi Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội; trụ sở Hội; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được thông qua Ban Chấp hành và Hội phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) theo quy định.
12. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.
13. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 đến Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan.
14. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm Hội viên chính thức và Hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam đã và đang sinh sống, hoặc có mối quan hệ và làm việc trong tỉnh Bến Tre tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có đủ tiêu chuẩn hội viên theo Khoản 2, điều này, được xem xét kết nạp và trở thành Hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên danh dự: Là những người có tâm huyết và mối quan hệ với nhân dân, các tổ chức hợp pháp của Campuchia, cựu chuyên gia và cựu chiến binh tham gia quân tình nguyện ở chiến trường Campuchia, công dân Campuchia có mối quan hệ mật thiết với nhân dân Bến Tre tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được xem xét công nhận là Hội viên danh dự của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức: Công dân Việt Nam đã và đang sinh sống, hoặc có mối quan hệ và làm việc trong tỉnh Bến Tre đủ 18 tuổi trở lên có phẩm chất đạo đức tốt, có nhiệt tình, có khả năng, điều kiện tham gia công tác Hội và có một trong những điều kiện sau: Cựu chuyên gia hoặc cựu chiến binh tham gia quân tình nguyện ở chiến trường Campuchia; sĩ quan trong lực lượng vũ trang đang công tác tại tỉnh Bến Tre có nguyện vọng tham gia vào Hội; công dân Việt Nam đã và đang sinh sống, công tác, học tập và làm việc tại Campuchia; những người đã và đang công tác tại các cơ quan, đơn vị có quan hệ hợp tác với Campuchia.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như Hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên

1. Công dân Việt Nam có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại khoản 2 điều 8 Điều lệ này muốn gia nhập Hội phải làm đơn đăng ký tham gia Hội, gửi Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh xem xét và đề nghị Ban Thường vụ Hội quyết định. Người được công nhận là hội viên kể từ ngày ký quyết định kết nạp.

2. Hội viên muốn ra khỏi Hội phải tự nguyện viết đơn gửi đến Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định khỏi danh sách hội viên của Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Chi hội trực thuộc Hội (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

- d) Các nội dung khác (nếu có);
- e) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định và nghị quyết của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán

thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành; thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban Chấp hành ủy quyền;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội; kết nạp, cho thôi hoặc xử lý kỷ luật hội viên.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ 03 tháng họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

4. Thường trực Hội:

Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Thư ký Hội là bộ phận Thường trực của Hội, có trách nhiệm điều hành công việc hàng ngày của Hội, báo cáo định kỳ cho các cơ quan lãnh đạo, quản lý ở tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và Trung ương Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Các chi hội trực thuộc

Ở các cơ quan, đơn vị có từ 03 hội viên trở lên được tổ chức thành Chi hội, Chi hội chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành tỉnh Hội. Chi hội có từ 03 đến 09 hội viên cử 01 Chi hội trưởng, Chi hội có từ 10 hội viên trở lên cử Chi hội trưởng, Chi hội phó và Thư ký. Chi hội họp 03 tháng 01 lần, khi cần thiết có thể họp bất thường.

Các cơ quan, đơn vị có nhu cầu thành lập chi hội gửi đề nghị đến Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh và Ban Thường vụ Hội sẽ xem xét và quyết định.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Là chủ tài khoản của Hội;

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

d) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

đ) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Thư ký Hội

- Thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ hoặc ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Thư ký Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

- Thư ký Hội giúp Chủ tịch Hội chuẩn bị các kỳ họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; giúp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội trong điều hành công tác của Hội. Thư ký Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Thường vụ Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Hội phí hàng năm của hội viên (nếu có);
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Nhà nước cấp kinh phí đối với các hoạt động gắn liền với nhiệm vụ được Nhà nước giao phó;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người trực tiếp làm việc tại Hội kể cả Ban Thường vụ theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội tại điểm b Điều 21.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức đến khai trừ đối với các cá nhân và khiển trách, cảnh cáo, giải tán đối với tổ chức trực thuộc.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh Bến Tre mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành, kiến nghị và được chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre phê duyệt mới có giá trị thi hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh Bến Tre, khóa I, nhiệm kỳ 2018 -2023 gồm 08 Chương, 26 Điều đã được Đại hội thành lập Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia tỉnh Bến Tre, khóa I, nhiệm kỳ 2018-2023 thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2018 tại Bến Tre và có hiệu lực thi hành sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh Bến Tre có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

